

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Nhi Hải Phòng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá mua sắm thuốc, vật tư y tế, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng sử dụng tại Bệnh viện:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Hải Phòng

Địa chỉ: Phố Việt Đức, phường Kiến An, thành phố Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DSCKI. Nguyễn Thị Kim Thanh – Phụ trách khoa Dược, SĐT: 0914.450.483,  
Email: cungungthuoc.kd.bvte@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Công văn báo giá gửi về khoa Dược - Bệnh viện Nhi Hải Phòng, địa chỉ: phố Việt Đức, phường Kiến An, thành phố Hải Phòng đồng thời gửi qua email: cungungthuoc.kd.bvte@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ thời điểm đăng tải Yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia đến trước 16h30 ngày 12 tháng 05 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 12 tháng 05 năm 2026.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5 đính kèm công văn này.

2. Tài liệu kèm theo: Hồ sơ pháp lý của Công ty, Hồ sơ hàng hóa công ty báo giá.

3. Địa điểm giao hàng: khoa Dược – Bệnh viện Nhi Hải Phòng.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: theo đơn dự trù của chủ đầu tư.

5. Các thông tin khác:

Số lượng, đơn giá tại Báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp là căn cứ để Bệnh viện ký kết hợp đồng. Dự kiến về các điều khoản trong hợp đồng:



- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Tạm ứng: không tạm ứng;
- Yêu cầu giao hàng: xuất trình hoá đơn, kèm theo biên bản giao nhận hàng hoá, phiếu báo lô, giấy chứng nhận phân tích/kiểm nghiệm của hàng hoá.
- Tiến độ thanh toán: Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu 100% giá trị hợp đồng hoặc theo giá trị khối lượng hoàn thành hàng tháng trong vòng 90 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam báo giá theo mẫu tại Phụ lục 6 đính kèm công văn này.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KD.



**BSKII. Trần Minh Cảnh**

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
BỆNH VIỆN NHI HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 1: DANH MỤC THUỐC GENERIC YÊU CẦU BÁO GIÁ**

(Đính kèm Thư mời báo giá số /BVNHP-KD ngày / /2026 của Bệnh viện Nhi Hải Phòng

STT	Hoạt chất	Nhóm thầu	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng
1	Acetazolamid	4	250mg	Uống	Viên	Viên	20
2	Acyclovir	4	0,09g/3g	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	10
3	Acid boric	5	800mg/8ml x 8ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ	1,000
4	Acid folic (vitamin B9)	4	5mg	Uống	Viên nang	Viên	200
5	Acitretin	4	25mg	Uống	Viên nang	Viên	150
6	Adapalen + Benzoyl peroxid	4	(0,1% + 2,5%) x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	70
7	Allopurinol	2	300 mg	Uống	Viên	Viên	100
8	Allopurinol	1	100mg	Uống	Viên	Viên	100
9	Alpha amylase + Papaine	5	(100mg+50mg)/5ml x 60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ	30

STT	Hoạt chất	Nhóm thần	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng
10	Atenolol	2	50mg	Uống	Viên	Viên	100
11	Azathioprin	5	50mg	Uống	Viên	Viên	2,400
12	Benzylpenicilin natri	4	1.000.000 IU	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	100
13	Betamethason	2	0,5mg/g x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	30
14	Betamethason dipropionat + Clotrimazol + Gentamicin	4	6.4mg+100mg+10m g/10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	30
15	Các kháng thể gắn với interferon gamma ở người	5	3mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	500
16	Calcitriol	2	0,25mcg	Uống	Viên nang	Viên	500
17	Carbazochrom	4	30mg	Uống	Viên	Viên	3,000
18	Cefditoren	1	50mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	1,800
19	Cefixim	2	200mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	2,000
20	Cefixim	3	100mg/5ml x 40ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/Lọ	900

STT	Hoạt chất	Nhóm thần	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng
21	Chất ly giải vi khuẩn đông khô của Haemophilus influenzae + Diplococcus pneumoniae + Klebsiella pneumoniae and ozaenae + Staphylococcus aureus + Streptococcus pyogenes and viridans + Neisseria catarrhalis	1	3,5mg	Uống	Viên nang	Viên	100
22	Lactulose	1	10g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Gói	13,500
23	Esomeprazole	2 hoặc 3 hoặc 4	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	27,000
24	Citicolin	4	100mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	10,000
25	Clonidin hydroclorid	4	0,15mg	Uống	Viên	Viên	200
26	Cloramphenicol	4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	100
27	Colchicin	4	1mg	Uống	Viên	Viên	30
28	Cytidin-5monophosphat disodium + uridin	1	5mg + 1,33mg	Uống	Viên nang	Viên	1,500
29	Diethyl phtalat	4	6g/20ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ	40
30	Doxycyclin (dưới dạng Doxycyclin hyclat)	4	100mg	Uống	Viên nang	Viên	200
31	Fludrocortison acetat	5	100mcg	Uống	Viên	Viên	500

STT	Hoạt chất	Nhóm thầu	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng
32	Flunarizin	4	5mg	Uống	Viên nang	Viên	200
33	Hydrocortison	4	1% x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	60
34	Imiquimod	2	5% x 0,25g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Gói	20
35	Kali permanganat	5	1g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Gói	200
36	Kẽm oxid + Calci carbonat	4	(3,4 g+ 3,4g)/17g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ	40
37	Ketoconazol	4	2% x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	60
38	Lidocain hydroclorid + Dịch chiết hoa cúc.	1	20 mg/g + 185 mg/g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	20
39	Magnesium glutamate HBr + Acid gama amino butyric + Acid gama amino beta hydroxy butyric + Pyridoxin HCl	1	0,075g + 0,075g + 0,037g + 0,037g	Uống	Viên	Viên	10,000
40	Magnesium glutamate HBr + Acid gama amino butyric + Acid gama amino beta hydroxy butyric + Vitamin B6	1	(100mg + 100mg + 50mg + 50mg)/5ml x 80ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ	1,000
41	Metronidazol	5	16mg/g x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	160

STT	Hoạt chất	Nhóm thầu	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng
42	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	1	(7g+19g)/118ml x 133ml	Thụt hậu môn/ trực tràng	Thuốc thụt hậu môn/trực tràng	Chai/Lọ	110
43	Naproxen	4	250mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	30
44	Natri tetraborat	4	3% x 10ml	Dùng ngoài	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng	Chai/Lọ	20
45	Nifedipin	4	10mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1,000
46	Nystatin	4	25.000IU	Đánh tưa lưỡi	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng	Gói	800
47	Omega-3 triglycerid (tương đương Docosahexaenoic acid (DHA) 20,05% + Eicosapentaenoic acid (EPA) 4,20%)	4	46,39%	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ	100
48	Paracetamol	3	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống hòa tan nhanh	Gói	1,500
49	Salbutamol	4	2mg/5ml x 5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	5,600
50	Salicylic acid	5	5% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ	100
51	Terbinafin hydroclorid	1	10mg/g x 50g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	30
52	Thymomodulin	4	80mg	Uống	Viên nang	Viên	2,500
53	Triamcinolon acetonid + Neomycin sulfat + Nystatin + Clotrimazol	4	0,01g + 0,05g + 1.000.000 IU + 0,1g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	50

STT	Hoạt chất	Nhóm thần	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng
54	Tricalcium phosphat + Vitamin D3	4	(10g + 60000UI)/1000ml x 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	ống	3,000
55	Triptorelin	1	0,1mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	ống	28
56	Vaselin	5	10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	50
57	Vigabatrin	4	500mg	Uống	Viên	Viên	1,000
58	Vincristin sulfat	5	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ	20
59	Thiamin hydroclorid + Riboflavin + Nicotinamid + Pyridoxin hydroclorid + Dexpanthenol	4	1mg + 4mg + 40mg + 4mg + 6mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	2,600
60	Vitamin A + Vitamin D3 + Vitamin E + Vitamin C + Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin B6 + L- Lysin HCL + Calci glycerophosphat	4	(1000IU+100IU+10 mg+12mg+3mg+3 mg+2mg+200mg+2 10mg)/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	7,100
61	Vitamin B1 + B6 + B12	2	100mg + 200mg + 200mcg	Uống	Viên	Viên	1,200
62	Vitamin D3 (cholecalciferol)	4	400IU/0,4ml x 12ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ	1,700
63	Vitamin E	4	400IU	Uống	Viên nang	Viên	200
<b>Tổng cộng: 63 khoản</b>							

## DANH MỤC THUỐC BIỆT ĐƯỢC GỐC MỜI BÁO GIÁ

(Đính kèm Thư mời báo giá số /BVNHP-KD ngày / /2026 của Bệnh viện Nhi Hải Phòng)

STT	Tên Thuốc / Tên VTYT, Y cụ, HC, SP	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Hãng SX	Nước SX	Số lượng
1	Oflovid hoặc tương đương	Ofloxacin	0.3% x3,5g	Tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Tuýp	Santen Pharmaceutical Co., Ltd., Nhà máy Shiga	Nhật	50
2	Cerebrolysin hoặc tương đương	Peptid (Cerebrolysin concentrate)	5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	Cơ sở trộn và đóng gói: Ever Pharma Jena GmbH Cơ sở xuất xưởng: Ever Neuro Pharma GmbH	Áo	300
3	Cerebrolysin hoặc tương đương	Peptid (Cerebrolysin concentrate)	10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	Cơ sở trộn và đóng gói: Ever Pharma Jena GmbH Cơ sở xuất xưởng: Ever Neuro Pharma GmbH	Áo	2,000

**Tổng cộng: 03 khoản**

PHÒNG





**Phụ lục 4:**  
**DANH MỤC MỸ PHẨM MỜI BÁO GIÁ**

*(Đính kèm Thư mời báo giá số /BVNHP-KD ngày / /2026 của Bệnh viện Nhi Hải Phòng)*

STT	Tên mỹ phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Hãng SX	Nước SX	Số lượng
1	Derma forte gel	Azelaic Acid + Ascorbic acid (Vitamin C) + Tocopherol (Vitamin E) + Ubiquinone (Coenzyme Q10) + Collagen	15g	Dùng ngoài	Gel	Tube	CHI NHÁNH DNTN SẢN XUẤT HOÁ MỸ PHẨM GAMMA	Việt Nam	80
2	Towders spray 100ml	Permethrin	5%x100ml	Dùng ngoài	Dung dịch	chai	Công ty TNHH Dược Mỹ phẩm Quang Xanh	Việt Nam	40
3	Raileza 120ml	Permethrin	1% x120ml	Dùng ngoài	Dung dịch	chai	Công ty TNHH Dược Mỹ phẩm Quang Xanh	Việt Nam	40
4	Ziaja Med 3% Urea Face Emulsion (Ziaja Med Moczniak 3% )	Ure	50ml	Dùng ngoài	Nhũ tương	Lọ	Ziaja Ltd. Zaklad Produkcji Lekow Sp.Z O.O.	Ba Lan	100
5	Ceradan Hydra Moisturiser 30g	Ceramide 3%, cholesterol 0.1%, acid linoleic, natri hyaluronate, glycerin, nước.	30g	Dùng ngoài	Kem	Tuýp	Toshiki International Singapore Pte Ltd	Singapore	100
6	Rudondo 120ml	Ketoconazole	1,8%x120ml	Dùng ngoài	Dung dịch	chai	Công ty TNHH Dược mỹ phẩm Quang Xanh	Việt Nam	25
<b>Tổng cộng: 06 khoản</b>									

**Phụ lục 5:****DANH MỤC THỰC PHẨM CHỨC NĂNG MỜI BẢO GIÁ**

(Đính kèm Thư mời báo giá số /BVNHP-KD ngày / /2026 của Bệnh viện Nhi Hải Phòng)

STT	Tên thực phẩm chức năng	Thành phần	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Hãng SX	Nước SX	Số lượng
1	Easycol baby	Enzym lactase	500mg/15ml	Uống	Dung dịch	Lọ	RIOJA NATURE PHARMA,	Tây Ban Nha	100
2	NovoZinC plus	Kẽm (dưới dạng Kẽm Bisglycinat và Kẽm Gluconat) + Lysine	(1mg+12,5mg)/0,1ml x 30ml	uống	Dung dịch	chai	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	1,000
3	LineaBon K2+D3	Vitamin D3+Vitamin K2	(400IU+22,5mcg)/0,2mlx10ml	uống	dung dịch	lọ	ERGOPHARMA D.O.O	Slovenia	500
4	Imochild calunik	Lipocal chứa Canxi + Magie (Magie bisglycinate) + Vitamin D3 (cholecalciferol) + Vitamin K2 (MK-7 (menaquinone-7))	(Lipocal 1400 mg Chứa Canxi 547,4 mg + Magie (Magie bisglycinate) 50 mg + Vitamin D3 (cholecalciferol) 3,75 µg + Vitamin K2 (MK-7 (menaquinone-7)) 20 µg)/10mlx125ml	uống	Dung dịch	lọ	GRICAR CHEMICAL SRL (Địa chỉ: Via San Giuseppe 18/20, Brugherio (MB), Ý)	Ý (Italy)	500
5	Siro hỗ trợ ăn ngon MorningKids Good Appetite	Spirulina + Chiết xuất hồ lô ba + Chiết xuất hoa bia + Chiết xuất cây nhựa thơm hương chanh + Chiết xuất chanh + Chiết xuất rau diếp xoăn + Chiết xuất cải xoong + Chiết xuất cây oải hương + Chiết xuất cam + chiết xuất cỏ roi ngựa	(100mg+100mg+100mg+100mg+100mg +100mg+100mg+100mg+100mg+100mg)/10ml x 150ml	Uống	Siro	Lọ	ERBEX S.R.L	Ý	200
<b>Tổng cộng: 05 khoản</b>									

**PHỤ LỤC 6:**

(Kèm theo Thư mời báo giá số /BVNHP-KD ngày tháng năm 2026 của Bệnh viện Nhi Hải Phòng)

Tên công ty:  
Địa chỉ:Mã số thuế:  
Số điện thoại liên hệ:**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Hải Phòng

Trên cơ sở yêu cầu báo giá theo Thư mời báo giá số /BVNHP-KD ngày / /2026 của Bệnh viện Nhi Hải Phòng, chúng tôi ... (ghi tên công ty hoặc tên liên danh) báo giá các thuốc như sau:

**1. Báo giá thuốc**

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tháng)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT) (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

Hiệu lực của báo giá:...

**2. Chúng tôi cam kết:**

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
- Đơn giá trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá;
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày ... tháng ... năm...

**Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá**  
(ký tên, đóng dấu)**Ghi chú:**

- Các cột (2), (3), (4), (6), (7), (9), (10), (11), (12): ghi thông tin của thuốc theo Quyết định cấp số đăng ký; giấy phép lưu hành, giấy phép nhập khẩu và các văn bản công nhận chính thức/đính chính/sửa đổi bổ sung của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Cột (8) điền nhóm tiêu chí kỹ thuật theo quy định tại Thông tư 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025;
- Cột (15): Đơn giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có);
- Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật của đơn vị báo giá phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm ủy quyền theo quy định pháp luật. Trường hợp báo giá là của liên danh, đại diện hợp pháp của các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.
- Báo giá có hiệu lực tối thiểu 120 ngày kể từ ngày / /2026.